

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 18/2018/DS-PT
Ngày 16/01/2018
V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiên, ông Lê Tự

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/TLPT-DS ngày 17/7/2017 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”; do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75D/2018/QĐ-PT ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Võ Văn Đ, sinh năm 1947; địa chỉ quận N, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy ủy quyền ngày 09/4/2013; ông Đ có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Kim T1, sinh năm 1975; vắng mặt.

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng; tạm trú tại quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 là ông Nguyễn Doãn H; trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH L, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2014, ông H vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1956; có mặt.

Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1964; có mặt.

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Huỳnh D, sinh năm 1954; có mặt.

Địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.4. Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1962; vắng mặt.

Địa chỉ: quận S, tp Đà Nẵng.

3.5. Ông Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1968; có mặt.

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

3.6. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1955; có mặt.

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

3.7. Ông Huỳnh Anh T2, vắng mặt.

Địa chỉ: quận S, tp Đà Nẵng.

3.8. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị Đà Nẵng (trước đây là Ban quản lý dự án xây dựng số 3 và Ban quản lý dự án công trình đường B), có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thu H (Chuyên viên Phòng Kỹ thuật 1 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng) theo Giấy ủy quyền số 1824/GUQ-BQL ngày 15/10/2015, bà H vắng mặt.

3.9. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Thanh H (Phó trưởng Phòng Bồi thường-TĐC Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng) theo Giấy ủy quyền số 52/GUQ ngày 14/10/2015; ông H vắng mặt.

3.10. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Có trụ sở tại Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng - thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là ông Tăng Hà V (Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng), theo Giấy ủy quyền số 2892/STNMT-KTĐ ngày 17/11/2015; ông V vắng mặt.

3.11. Bà Lê Thị P, sinh năm 1961; có mặt.

3.12. Ông Huỳnh Kim T3, sinh năm 1984; có mặt.

Bà P, ông T3 cùng địa chỉ tại quận T, thành phố Đà Nẵng.

3.13. Ông Đặng Quốc H, sinh năm 1962; vắng mặt.

3.14. Bà Lương Thị Kim Y, sinh năm 1965; vắng mặt.

Ông H, bà Y trú tại thành phố Hà Nội.

3.15. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng. Tạm trú quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.16. Ông Trần Phước T4, sinh năm 1979; vắng mặt.

3.17. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1986; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

3.18. Ngân hàng Thương mại cổ phần S; vắng mặt.

Trụ sở chính: thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.19. Ủy ban nhân dân quận N; vắng mặt.

Địa chỉ: quận N, Đà Nẵng

3.20. Phòng công chứng số 1 thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.21. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1954; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Hải Phòng

3.22. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

3.23. Bà Lâm Bích T, sinh năm 1973; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

3.24. Văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng

Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

3.25. Văn phòng Công chứng P; vắng mặt.

Địa chỉ: quận S, Đà Nẵng.

4. Người làm chứng: Ông Hoàng Trung Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Kim T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ của Ông là vợ chồng cụ Huỳnh Kim Đ, cụ Nguyễn Thị L có 10

người con là Ông (Huỳnh Kim T), ông Huỳnh Kim L, ông Huỳnh D, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Kim L, bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh Ngọc C, ông Huỳnh Anh T2 và ông Huỳnh Kim T1. Tài sản cha mẹ Ông tạo lập được là 1.070 m² đất, trên có nhà cấp 4 diện tích 113 m², thuộc thửa số 24, tờ bản đồ 34, tại tổ 19 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở số 3403061560 ngày 16/10/2000. Ngày 27/10/2008, cha mẹ Ông lập Di chúc được UBND phường P chứng thực, nội dung để lại cho Ông toàn bộ nhà đất nêu trên, trường hợp nhà đất bị quy hoạch, giải tỏa thì tiền đền bù và đất tái định cư giao cho Ông để xây dựng nhà thờ. Ngày 26/10/2010 cụ Đ chết, ngày 02/10/2011 cụ Đ chết.

Ngày 15/11/2011, Ông làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế tại UBND phường P; tuy nhiên, khi nhà nước có chủ trương giải tỏa đền bù nhà, đất của cha mẹ thì ông Huỳnh Kim T1 đã khai gian dối với Ban quản lý dự án công trình đường B nên được nhận tiền đền bù và cấp đất tái định cư.

Nay căn cứ Di chúc của cha mẹ và việc Ông đã khai nhận di sản thừa kế, Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 trả lại số tiền ông T1 đã nhận từ Ban QLDA công trình đường B là 185.830.106 đồng và Lô đất tái định cư số 35, tờ bản đồ B2.10, đường Đ, tổ 145 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; còn lô đất tại thửa 29, tờ bản đồ B2.13, đường A, tổ 145 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng do ông T1 đã làm nhà thì yêu cầu Tòa án buộc ông T1 hoàn lại giá trị = Giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 13/10/2016 - tiền thuê sử dụng đất mà ông T1 đã nộp.

Bị đơn là ông Huỳnh Kim T1 và người đại diện đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Về quan hệ huyết thống như ông T trình bày là đúng. Năm 2000, được sự đồng ý của cha mẹ, Ông bỏ tiền xây dựng 14 phòng trọ để kinh doanh và năm 2003 cha mẹ còn lập hợp đồng cho Ông 134,6m² đất để làm nhà ra ở riêng, đến khi Nhà nước giải tỏa nhà đất. Đối với diện tích đất trên có 14 phòng trọ do Ông xây dựng Nhà nước đã đền bù cho Ông 650.000.000đồng và 01 lô đất tái định cư tại Khu 38 và 387, để bù việc Ông mất thu nhập 8.000.000đ/tháng; đối với diện tích đất, trên có nhà của vợ chồng Ông thì Nhà nước đền bù số tiền 185.830.106đồng và cấp 01 lô đất cũng tại Khu 38 và 387.

Nay ông T khởi kiện cho rằng tiền đền bù và đất tái định cư là di sản thừa kế của cha, mẹ thì Ông không đồng ý vì: Nhà cấp 4 của vợ chồng Ông làm trên đất cha mẹ cho theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/5/2003 được UBND phường P, quận S xác nhận; còn diện tích đất có 14 phòng trọ là do Ông sử dụng được Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 08/4/2008 của UBND quận S ghi rõ “*thu hồi đất có diện tích 134,6 m² do hộ*

ông T1 sử dụng tại thửa số 256 tờ bản đồ 32, phường P, quận S”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị K trình bày: Cha mẹ tạo lập được khuôn viên nhà đất 2.500 m² và đã chia đất cho các con làm nhà ra ở riêng. Diện tích đất còn lại 1.070 m², trên có nhà ở, nhà thờ thì ngày 27/10/2008 cha mẹ lập di chúc để lại cho ông T; trường hợp nhà đất bị quy hoạch, giải tỏa thì tiền đền bù và đất tái định cư giao cho ông T để xây dựng nhà thờ. Tuy nhiên, ông T1 kê khai gian dối để chiếm đoạt toàn bộ tiền đền bù và đất tái định cư lẽ ra phải giao cho ông T quản lý, xây dựng nhà thờ. Nay ông T khởi kiện, Bà có ý kiến cụ thể như sau:

+ Tại Quyết định số 5066 ngày 7/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ghi rõ “*Những hộ bị giải tỏa di dời hẳn có diện tích đất từ 900m² đến dưới 1.200m² trên địa bàn phường P sẽ được bố trí 3 lô đất chính tái định cư, cụ thể 1 lô đường 15m vệt khai thác quỹ đất đường L-S-D; 1 lô đường 10,5 m Đại Địa Bảo và 1 lô đường 7,5 m khu tái định cư An Nhơn 1*”. Tuy nhiên, Ban quản lý dự án công trình đường B chỉ cấp 1 lô đất đường 10,5m; 1 lô đường 5,5m rồi thu tiền đất trước 2 lô của ông Đ và sau đó chỉ cấp cho ông T 1 lô đường 10,5m tái định cư tại chỗ; còn lô thứ hai BQL tự động thỏa thuận cấp cho vợ chồng ông T1, nhưng lại thu tiền ông T đã ứng trước đây là không đúng pháp luật. Như vậy, Ban QLDA công trình đường B vừa cấp thiếu vừa cấp sai đối tượng (vì 02 lô đất trên đều của ông T).

+ Khi lập di chúc, cha mẹ có cho ông T 1 lô đất và ông T bỏ tiền ra làm nhà diện tích là 134,60m², nhưng vì ông T sống ở nước ngoài nên nhờ ông T1 đứng tên và cho thuê lấy tiền lo cuộc sống hàng ngày của cha mẹ. Khi Nhà nước có quyết định giải tỏa thì ông T về Việt Nam và tại cuộc họp gia đình ngày 31/12/2010 ông T1 đã viết giấy đồng ý trả lại nhà cho ông T nên Nhà nước đã lập hồ sơ đền bù, giải tỏa cho ông T ký hiệu 516-1 cho diện tích thu hồi 134,60 m² với tiền đền bù 185.830.106 đồng. Tuy nhiên, khi ông T về Mỹ thì ông T1 và Ban QLDA công trình đường B tự thỏa thuận, cố tình sửa chữa làm sai lệch hồ sơ để lấy 02 lô đất (1 lô trong di chúc, 1 lô nhà đất riêng của ông T) để cấp cho ông T1.

Nay, Bà yêu cầu Ban QLDA công trình đường B phải cấp đủ 03 lô đất tái định cư đối với diện tích 1.070m² nằm trong di chúc mà ông T là người được nhận; yêu cầu thu hồi 02 lô đất cấp sai cho ông T1 để trả lại cho ông T; yêu cầu Ban QLDA công trình đường B thu hồi lại số tiền 185.830.106 đồng đã cấp sai cho ông T1 để trả lại ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Huỳnh D, ông Huỳnh Ngọc C và ông Huỳnh Kim L thống nhất trình bày và đề nghị của bà Huỳnh Thị K.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị Đà Nẵng (trước đây là Ban quản lý dự án công trình đường B và Ban quản lý dự án xây dựng số 3), thành phố Đà Nẵng trình bày:

Khi lập hồ sơ giải tỏa, đền bù đối với đất hộ cụ Đ, cụ L thì cụ Đ còn sống, mình miễn toàn bộ giấy tờ do cụ Đ ký. Tổng diện tích đất thu hồi của hộ cụ Đ là 1.327,60m² (gồm 4 hộ sử dụng là hộ cụ Đ; hộ ông Huỳnh Kim L; hộ bà Huỳnh Thị T và hộ ông Huỳnh Ngọc C) nên hộ cụ Đ được bố trí 01 lô đất mặt đường 10,5m dọc đường L-S- Đ; còn 3 hộ mỗi hộ được bố trí 01 lô đất tái định cư, mặt đường 5,5m khu TĐC phía Đông xướng 38 và 387. Ngoài ra, trên diện tích đất của hộ cụ Đ bị thu hồi có nhà của hộ ông Huỳnh Kim T1 nên ông T1 được đền bù tiền 650 triệu đồng và được bố trí 01 lô đất, mặt tiền đường 5,5 m khu TĐC phía Đông xướng 38 & 387.

Như vậy, việc đền bù và bố trí tái định cư cho hộ cụ Đ đã được thực hiện đúng quy định và trước đây UBND quận S đã trả lời ông T tại Công văn số 427/VP-NC ngày 08/5/2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng trình bày: Năm 2014, Trung tâm tiếp nhận hồ sơ đền bù, bố trí đất tái định cư của hộ ông Huỳnh Kim T1 do Ban quản lý dự án công trình đường B bàn giao. Hồ sơ không thể hiện việc đền bù và cấp đất tái định cư có tranh chấp nên Trung tâm đã làm thủ tục cho ông T1 nộp tiền sử dụng đất và giao đất cho ông T1 theo đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng do ông Tăng Hà V (Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N, thành phố Đà Nẵng) trình bày: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông T1, bà H là đúng quy định của pháp luật, dựa trên cơ sở là các quyết định bàn giao đất tái định cư của Ban quản lý dự án công trình đường B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị P (vợ ông , chị dâu của ông Huỳnh Kim T1) trình bày ông Huỳnh Kim T được cha mẹ để lại di chúc cho 1.070m² đất. Vì ông T có quốc tịch nước ngoài nên nhờ ông T1 đứng tên hồ sơ kê khai, nhưng ông T1 đã lợi dụng việc đứng tên giùm đa kê khai nhận đất tái định cư và tiền đền bù; do đó, đề nghị ông T1 trả lại cho ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Kim T3 trình bày: Anh là con ông Huỳnh Kim L, là cháu nội của vợ chồng cụ Đ, cụ L. Ông T1 dùng tiền của Anh xây dựng 5 phòng trọ cho thuê trên 100m² đất cha Anh được Ông Bà nội chia cho và ngày 13/7/2011 ông T1 viết giấy ủy quyền cho Anh đến

Ban quản lý dự án đường B nhận tiền đền bù. Tuy nhiên, khi Anh đến nhận tiền thì Ban quản lý không chi trả tiền cho Anh và sau đó ông T1 đã nhận hết tiền và nhận đất tái định cư. Nay yêu cầu ông T1 trả lại tiền đền bù và đất tái định cư cho ông T theo đúng ý nguyện trong di chúc của Ông Bà nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Đặng Quốc H, bà Lương Thị Kim Y (tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội lập ngày 01/8/2014) trình bày:* Ông Bà có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Kim T1 một lô đất đường 5,5m thuộc khu tái định cư phía Đông xưởng 38 và 387, đã được chỉnh lý sang tên Ông Bà. Nay Ông Bà đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ông Bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H (vợ ông Huỳnh Kim T1) thông nhất trình bày và đề nghị của ông T1.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phước T4 trình bày:* Ông Bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T1 01 lô đất, Ông Bà đã xây dựng nhà 3 tầng và hiện đang thế chấp vay tiền Ngân hàng TMCP S-Chi nhánh Đà Nẵng nên đề nghị Tòa án giải quyết bảo đảm quyền lợi của Ông Bà cũng như quyền lợi của Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn L trình bày:*

Ngày 26/4/2016, tại Văn phòng công chứng P, Ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng Ông H, bà Y thửa đất số 35, tờ bản đồ số B2.10, tại Khu tái định cư phía đông Xưởng 38 và 387 (nay là đường Đ, tổ 145 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; lô đất này trước đó vợ chồng Ông H, bà Y nhận chuyển nhượng của ông T1). Ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 27/7/2016, tại Văn phòng công chứng P, Ông đã chuyển nhượng lại lô đất cho vợ chồng ông Chì, bà Thủy. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đều được công chứng, hợp pháp nên đề nghị Tòa án công nhận.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2007/DS-ST ngày 24/5/2017 (được sửa chữa, bổ sung tại Quyết định số 116/2017/QĐ-SCBSBA ngày 09/6/2017), Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 133, 624, 626, 630, khoản 1 Điều 643 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Chia di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất” của ông Huỳnh Kim T đối với ông Huỳnh Kim T1.

II/ Buộc ông Huỳnh Kim T1 và bà Nguyễn Thị Hiên phải trả cho ông Huỳnh Kim T giá trị của lô đất số 35, tờ bản đồ số B2.10 Khu TĐC phía Đông

xưởng 38 và 387, nay là đường Đ, Tổ 145 phường M, quận N, Tp Đà Nẵng là 2.754.810.000 đồng và số tiền ông Huỳnh Kim T1 đã nhận từ Ban quản lý dự án công trình đường B (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng) là 185.830.106 đồng.

Tổng số tiền ông T1, bà H phải trả cho ông T là 2.940.640.106 đồng (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, một trăm lẻ sáu đồng).

III/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Kim T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu 90.812.000đ (Chín mươi triệu, tám trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Kim T không phải chịu. Hoàn trả cho ông Huỳnh Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Võ Văn Đ nộp thay là 11.316.000đ theo biên lai thu số 000457 ngày 14/5/2013 tại Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng.

IV/ Về chi phí định giá tài sản:

Chi phí định giá tài sản (hai lần) là 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Kim T tự nguyện chịu.

- Ngày 02/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 02/6/2017 của ông Võ Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Huỳnh Kim T), kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

- Ngày 26/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 26/6/2017 của ông bị đơn (ông Huỳnh Kim T1, ông T1 và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn do ông Đ đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa phúc thẩm đã phải hoãn nhiều lần vì vắng mặt ông Huỳnh Kim T1; ông T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần (đã được thư ký trực tiếp tổng đạt giấy báo thư ký phiên tòa) nhưng vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông T1.

+ Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe các đương sự trình bày ý kiến; nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

A/ Về tố tụng:

Phiên tòa phúc thẩm đã phải hoãn nhiều lần vì vắng mặt ông Huỳnh Kim T1; thư ký phiên tòa đã trực tiếp đến địa chỉ ông T1 đăng ký hộ khẩu thường trú (K 116 Nguyễn Văn Thoại, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng) và địa chỉ ông T1 tạm trú (tại tổ 37, An Trung Đông 2, phường An Hải Đông, quận S, thành phố Đà Nẵng) để tổng đạt giấy báo nhưng không gặp được ông T1 nên ngày 17/11/2017 đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa tại hai địa chỉ nêu trên của ông T1 (có lập Biên bản). Ngày 10/01/2018 thư ký phiên tòa đã gặp được ông T1 tại địa chỉ 139 L, quận N, thành phố Đà Nẵng nên đã giao cho ông T1 Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa mở vào ngày 16/01/2018; có lập Biên bản và ông T1 đã ký Biên bản giao nhận; nhưng phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T1 vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T1; còn sự vắng mặt của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan khác không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

B/ Về nội dung:

Vợ chồng cụ Huỳnh Kim Đ, cụ Nguyễn Thị L khi còn sống tạo lập được khối tài sản là nhà trên tổng diện tích đất 2.626,70m², thuộc thửa 24, tờ bản đồ 34, tại tổ 19 (cũ) nay là tổ 25 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; được UBND thành phố Đà Nẵng cấp **Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số** 3403061560 ngày 16/10/2000; hai cụ đã chuyển nhượng cho 13 người; còn lại diện tích đất thực tế sử dụng là 1.327,60m². Ngày 28/10/2008, cụ Đ, cụ L lập **Di chúc**, nội dung để nhà trên diện tích 1.070m² đất cho ông Huỳnh Kim T “*Trong trường hợp nhà đất này giải tỏa, Nhà nước đền bù tiền và đất tái định cư thì ông T chịu trách nhiệm nhận để xây dựng nhà thờ sau này, tuyệt đối các con, cháu, rể không được tranh giành lấy làm của riêng...*”; **Di chúc** được UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng chứng thực. Năm 2011 khi Nhà nước giải tỏa đền bù khu đất nêu trên của vợ chồng cụ Đ, cụ Lãi; lúc này ông Huỳnh Kim T đang ở nước ngoài thì ông Huỳnh Kim T1 đứng tên kê khai có đất bị thu hồi nên được Ban quản lý dự án công trình đường B đền bù 185.830.106 đồng, đồng thời cấp hai lô đất tái định cư (Lô số 35, tờ bản đồ B2.10, đường Đ và Lô số 29, tờ bản đồ B2.13, đường A) cùng tổ 145, phường M, quận N. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông

T1 trả lại số tiền đền bù đã nhận 185.830.106 đồng; yêu cầu trả lại Lô đất tái định cư số 35, tờ bản đồ B2.10, đường Đ; đối với Lô đất số 29, tờ bản đồ B2.13, đường A thì do ông T1 đã làm nhà nên yêu cầu ông T1 trả bằng giá trị, trừ đi tiền thuế sử dụng đất mà ông T1 đã nộp. Trong khi đó, ông T1 cho rằng tiền 185.830.106 đồng và 02 lô đất tái định cư Nhà nước thì đền bù và cấp cho vợ chồng ông T1 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

{1}. **Di chúc** do vợ chồng cụ Đ, cụ L lập ngày 28/10/2008 thể hiện rõ ý chí của hai là để lại nhà trên diện tích 1.070m² đất cho ông T “*Trường hợp nhà đất này giải tỏa, Nhà nước đền bù tiền và đất tái định cư thì ông T chịu trách nhiệm nhận để xây dựng nhà thờ sau này, tuyệt đối các con, cháu, rể không được tranh giành lấy làm của riêng...*”; **Di chúc** được UBND phường P chứng thực và tất cả các con của vợ chồng cụ Đ, cụ L (trừ ông T1) đều xác nhận nội dung **Di chúc** trên cha mẹ lập khi còn tỉnh táo, thể hiện đúng ý chí của cha mẹ nên Di chúc này hợp pháp theo quy định tại các Điều 649, 652, 653, 657, 658 Bộ luật dân sự 2005.

Tuy nhiên, khi Chính quyền thành phố Đà Nẵng thu hồi diện tích đất hộ cụ Đ, cụ L đang quản lý, sử dụng (diện tích đất này hai cụ đã lập **Di chúc** cho ông T năm 2008) thì ngoài đền bù tiền còn bố trí đất tái định cư cho đối tượng là người đang ở trên đất bị thu hồi; nhưng lúc này ông T là Việt kiều đang sống tại Mỹ không những chưa được pháp luật cho đứng tên sở hữu bất động sản tại Việt Nam mà còn không thuộc diện được bố trí đất tái định cư. Theo cung cấp của Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị Đà Nẵng (trước đây là Ban quản lý dự án công trình đường B và Ban quản lý dự án xây dựng số 3 – Tại **Công văn** số 691/BQL-ĐBGT ngày 28/5/2013, bút lục 162) và nội dung Phụ lục kèm theo các **Quyết định** của UBND thành phố Đà Nẵng (Quyết định 7213/QĐ-UBND ngày 22/9/2010, Quyết định 7426/QĐ-UBND ngày 29/9/2010, Quyết định 4565/QĐ-UBND ngày 31/4/2011, Quyết định 6082/QĐ-UBND ngày 19/7/2011 - bút lục 138, 61, 59, 31) thì khi lập hồ sơ giải tỏa, đền bù đối với đất hộ cụ Đ, cụ L đang quản lý, sử dụng thì hai cụ còn minh mẫn nên toàn bộ giấy tờ do cụ Đ ký. Giấy tờ kê khai thể hiện tổng diện tích đất của hộ cụ Đ bị thu hồi là 1.327,60 m², gồm 4 hộ sử dụng là hộ cụ Đ, hộ ông Huỳnh Kim L, hộ bà Huỳnh Thị T và hộ ông Huỳnh Ngọc C; do đó hộ cụ Đ (hộ chính) được bố trí 01 lô đất tái định cư đường 10,5m dọc đường L - S - Đ; còn 3 hộ ông Lẹ, bà Trí và ông Châu mỗi hộ được bố trí 01 lô đất tái định cư đường 5,5m khu Tái định cư phía Đông xưởng 38 và 387 (ngoài ra, trên diện tích đất của hộ cụ Đ bị thu hồi có nhà của hộ ông Huỳnh Kim T1 nên ông T1 được đền bù tiền 650 triệu đồng và được bố trí 01 lô đất tái định cư đường 5,5m khu Tái

định cư phía Đông xưởng 38 và 387 (nay là lô số 29, tờ bản đồ số B2.13, đường A). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim T công nhận ông T có quyền sử dụng lô đất tái định cư số 35, tờ bản đồ B2.10, đường Đ để buộc ông T1 phải trả lại mà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông T1 trả lô đất số 29, tờ bản đồ số B2.13, đường A là có cơ sở, đúng pháp luật.

{2}. Đối với Lô đất B2.10-35, đường A thì ngày 19/6/2012, ông T1 nộp tiền sử dụng đất 144.990.000 đồng (thực nộp 130.491.000 đồng, còn 10% ông T1 thuộc diện được giảm). Cùng ngày 19/6/2012, vợ chồng ông T1, bà H có Đơn gửi Ban Quản lý dự án công trình đường B xin chuyển sang tên người nhận chuyển nhượng đất là vợ chồng Ông H, bà Y nên ngày 25/6/2012 Ban quản lý đã ký **Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất** số 28/6/HĐ-CQSDĐ sang tên Ông H, bà Y. Ngày 28/6/2012, Ông H, bà Y được UBND quận N cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BK 766378, đối với lô đất số 35 khu B2.10, đường 5,5m, khu tái định cư phía Đông xưởng 38 và 387. Ngày 17/5/2016, tại Văn phòng công chứng P, vợ chồng Ông H và bà Y chuyển nhượng lô đất cho ông Vũ Văn L, Hợp đồng công chứng số 2663 quyền BTP/CC-SCC/HĐGD. Ngày 27/7/2016, tại Văn phòng công chứng P, ông Long chuyển nhượng lại lô đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Bích T; Hợp đồng công chứng số 2663 quyền B TP/CC-SCC/HĐGD. Việc vợ chồng Ông H, bà Y nhận chuyển nhượng đất lô đất số 35 nêu trên là hợp pháp và sau đó đã được chuyển nhượng hợp pháp, nhiều lần nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2005 (về bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình) công nhận các Hợp đồng chuyển nhượng này là có cơ sở, đúng pháp luật. Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 13/10/2016 thì lô đất số 35, tờ bản đồ B2.10, tại Khu TĐC phía Đông xưởng 38 và 387 (nay là đường Đ, tổ 145, phường M, quận N, Đà Nẵng) trị giá 2.899.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm trừ số tiền sử dụng đất 144.990.000 đồng ông T1 đã nộp vào Ngân sách (thực tế ông T1 nộp 130.491.000 đồng do được giảm 10% tiền sử dụng đất) nên buộc ông T1 hoàn trả ông T 2.754.810.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

{3}. Về trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị K cho rằng theo quy định tại Quyết định số 5066 ngày 7/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng thì diện tích đất của cha mẹ (hộ cụ Đ, cụ L) bị thu hồi 1.070 m² đất phải được cấp 4 lô đất (một lô định cư tại chỗ, 3 lô tái định cư khác); nhưng thực tế hiện nay kể cả lô đất số 29, tờ bản đồ số B2.13, đường A mà Ủy ban cho rằng cấp cho ông T1 thì hộ cụ Đ mới được cấp 3 lô (một lô định cư tại chỗ do bà đang quản lý hộ ông T). Do đó, Bà đề nghị Tòa án buộc Ban Quản lý dự án công trình đường B và UBND thành phố Đà Nẵng phải

cấp đủ 4 lô cho hộ cụ Đ (do ông T nhận). Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu này của bà Khôn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông T và ông T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 133, 624, 626, 630, khoản 1 Điều 643 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Điều 48) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2016/DS-ST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*Chia di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất*” của ông Huỳnh Kim T đối với ông Huỳnh Kim T1. Buộc ông Huỳnh Kim T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả ông Huỳnh Kim T giá trị lô đất số 35, tờ bản đồ số B2.10 khu Tái định cư phía Đông xưởng 38 và 387 (nay là đường Đ, tổ 145 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng) là 2.754.810.000 đồng và số tiền ông Huỳnh Kim T1 đã nhận từ Ban quản lý dự án công trình đường B (nay là Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị Đà Nẵng) là 185.830.106 đồng; tổng cộng ông T1, bà H phải trả ông T 2.940.640.106 đồng (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, một trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự; nếu bên có nghĩa vụ trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

II/ Về án phí, chi phí định giá tài sản:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá:

Ông Huỳnh Kim T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu 90.812.000đ (Chín mươi triệu, tám trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được

hoàn lại 11.316.000 đồng (mười một triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí do ông Võ Văn Đ nộp thay tại Biên lai thu số 000457 ngày 14/5/2013 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Về chi phí định giá tài sản hai lần với tổng số tiền 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Kim T tự nguyện chịu; đã nộp và chi thanh toán cho cơ quan thẩm định, định giá xong.

2.2. Ông Huỳnh Kim T và ông Huỳnh Kim T1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại *Biên lai thu* số 001116 ngày 16/6/2017 và *Biên lai thu* số 111138 ngày 05/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến

Lê Tự

Đặng Kim Nhân